

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
PHƯƠNG ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

**Đã được soát xét**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN  
PHƯƠNG ĐÔNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014**

**Đã được soát xét**



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

---

## MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7 - 8
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 31

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 đã được soát xét.

### KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (tên tiếng nước ngoài là Orient Securities Corporation) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005822 ngày 28 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh và Giấy phép hoạt động kinh doanh Chứng khoán số 49/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty được cấp các Giấy phép điều chỉnh như sau:*

- Giấy phép điều chỉnh số 72/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 6 tháng 9 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 VND lên 120.000.000.000 VND.
- Giấy phép điều chỉnh số 100/UBCK-GPĐCCTCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007, chuẩn y tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 VND lên 240.000.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận đăng ký Chứng khoán số 152/2010/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp ngày 02 tháng 7 năm 2010, chuẩn y Chứng khoán của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã Chứng khoán là ORS. Ngày 12 tháng 7 năm 2010, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

• **Vốn pháp định** : 135.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 240.000.000.000 VND

Số cổ phiếu : 24.000.000 cổ phiếu

Mệnh giá : 10.000 VND/cổ phiếu

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : 194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84 - 08) 39144290

Fax : (84 - 08) 39142295

Mã số thuế : **0 3 0 4 8 1 4 3 3 9**

• **Hoạt động kinh doanh**

Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ kế toán bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
<b>Hội đồng Quản trị</b>			
Ông Phạm Linh	Chủ tịch	4/5/2012	
Ông Lâm Đạo Thảo	Thành viên thường trực	18/5/2011	
Ông Võ Quang Long	Thành viên thường trực	18/5/2011	
Ông Tạ Phước Đạt	Thành viên	18/5/2011	24/3/2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Diệp Trí Minh	Thành viên	25/3/2014	
<b><u>Ban Kiểm soát</u></b>			
Ông Phạm Đức Duy	Thành viên	02/5/2013	
Ông Nguyễn Văn Phẩm	Thành viên	18/5/2011	
<b><u>Ban Tổng Giám đốc</u></b>			
Ông Diệp Trí Minh	Tổng Giám đốc	18/4/2014	
Ông Nguyễn Trát Minh Phương	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2013	

### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 7 đến trang 31).

### SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2014

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2014 cho đến thời điểm lập Báo cáo này mà chưa xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014, Vietland bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là Kiểm toán viên độc lập của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ, Ban Tổng Giám đốc Công ty phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo nguồn vốn chủ sở hữu;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**DIỆP TRÍ MINH - Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông được lập ngày 11 tháng 8 năm 2014, từ trang 7 đến trang 31 kèm theo bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2014 và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này dựa trên kết quả công tác soát xét của Chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 “Công tác soát xét Báo cáo tài chính”. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận về công tác soát xét**

Trên cơ sở soát xét toàn bộ Báo cáo tài chính, Chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo sau đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu 6 tháng đầu năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**


Không phủ nhận ý kiến nêu trên, Chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh với người đọc Báo cáo tài chính này rằng: Trong số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 380.000.000.000 VND, là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Đây là số tiền Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.15). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án sơ thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của bà Huỳnh Thị Huyền Như theo Bản án số 46 ngày 27 tháng 01 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty đã nộp hồ sơ kháng cáo lên tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao để xét lại trách nhiệm bồi hoàn của Ngân hàng Công Thương Việt Nam đối với số tiền nêu trên. Vì vậy, Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng cho khoản tiền này. Tùy theo sự nhìn nhận của các bên liên quan mà việc này có thể làm ảnh hưởng đến một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính khi có phán quyết của tòa phúc thẩm.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



  
VĂN NAM HẢI - Phó Giám đốc  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0832-2013-037-1

  
NGUYỄN CAO HOÀI THU - Kiểm toán viên  
Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2013-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01a-CTCK

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>500.561.263.410</b>	<b>494.099.088.973</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>428.922.302.947</b>	<b>427.994.872.269</b>
Tiền	111	V.1	428.922.302.947	427.994.872.269
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.3</b>	<b>6.680.372.586</b>	<b>1.141.060.957</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		7.614.267.402	1.449.913.512
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(933.894.816)	(308.852.555)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>V.4</b>	<b>64.326.346.231</b>	<b>64.837.029.747</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.997.553.528	11.997.553.528
2. Trả trước cho người bán	132		67.615.769	3.140.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		10.686.482	13.549.190
4. Các khoản phải thu khác	135		136.474.236.606	137.336.428.008
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(84.223.746.154)	(84.513.640.979)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>632.241.646</b>	<b>126.126.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	547.159.283	6.000.000
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		85.082.363	120.126.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>50.150.003.168</b>	<b>53.227.964.375</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.566.508.431</b>	<b>3.132.411.698</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	147.952.713	78.078.430
Nguyên giá	222		6.493.761.379	6.385.461.379
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.345.808.666)	(6.307.382.949)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	2.418.555.718	3.054.333.268
Nguyên giá	228		7.488.985.064	7.488.985.064
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.070.429.346)	(4.434.651.796)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.3</b>	<b>44.052.375.200</b>	<b>46.776.002.811</b>
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		102.078.251.166	109.299.251.166
Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		102.078.251.166	109.299.251.166
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(58.025.875.966)	(62.523.248.355)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.531.119.537</b>	<b>3.319.549.866</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	65.281.443	124.410.726
2. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.9	3.373.838.094	3.035.139.140
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	92.000.000	160.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>550.711.266.578</b>	<b>547.327.053.348</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2014

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>469.911.365.610</b>	<b>466.685.357.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>469.911.365.610</b>	<b>466.685.357.435</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.300.000.000	-
2. Người mua trả tiền trước	313		126.625.000	148.625.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	185.981.252	214.823.607
4. Phải trả người lao động	315		4.470.641	5.345.641
5. Chi phí phải trả	316	V.13	476.800.510	97.698.714
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	85.553.112.950	82.732.169.534
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	V.15	380.000.800.000	380.000.000.000
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	V.16	2.263.341.139	3.486.460.821
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		234.118	234.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>80.799.900.968</b>	<b>80.641.695.913</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>80.799.900.968</b>	<b>80.641.695.913</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.17	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.17	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)	420		(210.247.989.230)	(210.406.194.285)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>550.711.266.578</b>	<b>547.327.053.348</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
<b>Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>		<b>669.052.580.000</b>	<b>688.643.320.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Chứng khoán giao dịch	007		453.031.850.000	541.505.960.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		11.762.890.000	9.203.620.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		440.205.280.000	531.238.660.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.063.680.000	1.063.680.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		216.020.730.000	147.137.360.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		216.020.730.000	147.137.360.000

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



*(Signature)*

**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Kế toán trưởng

*(Signature)*

**NGUYỄN THANH TUYỀN**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

6 tháng đầu năm 2014

(Có so sánh số liệu với 6 tháng đầu năm 2013)

Mẫu B 02a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết Minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
1. Doanh thu	01		6.907.041.353	5.421.161.545
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.087.909.574	993.413.383
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		2.913.591.865	1.732.002.820
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		281.560.419	271.818.181
- Doanh thu lưu ký chứng khoán			222.208.667	208.069.984
- Doanh thu khác	01.9		2.401.770.828	2.215.857.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		216.000	55.584
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10	VI.1	6.906.825.353	5.421.105.961
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.2	2.315.190.941	12.900.217
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		4.591.634.412	5.408.205.744
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.3	4.451.735.266	5.797.354.188
7. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		139.899.146	(389.148.444)
8. Thu nhập khác	31		18.305.909	55.805.122
9. Chi phí khác	32		-	44.326.391
10. Lợi nhuận khác	40	VI.4	18.305.909	11.478.731
11. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		158.205.055	(377.669.713)
12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	-	-
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.5	-	-
14. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		158.205.055	(377.669.713)
15. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	6,59	(15,74)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG  
Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYỀN  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2014

**MẪU B 03a-CTCK**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận (lỗ) trước thuế	01		158.205.055	(377.669.713)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		674.203.267	820.739.837
- Các khoản dự phòng	03		(4.162.224.953)	(1.294.429.200)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(5.265.810.186)	(3.322.391.882)
- Chi phí lãi vay	06		10.120.833	-
<i>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>		<b>(8.585.505.984)</b>	<b>(4.173.750.958)</b>
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		496.923.024	(3.470.469.126)
- (Giảm)/ tăng các khoản phải trả	11		(186.822.156)	3.202.655.379
- Tăng chi phí trả trước	12		(482.030.000)	(551.757.459)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(10.120.833)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		924.792.284.160	937.692.110.107
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(922.611.453.829)	(939.582.055.326)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(6.586.725.618)</b>	<b>(6.883.267.383)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(108.300.000)	-
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			-	52.999.999
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.668.017.000)	(4.161.198.026)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		12.724.663.110	6.978.934.691
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.265.810.186	3.277.114.750
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.214.156.296</b>	<b>6.147.851.414</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15.400.000.000	-
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(14.100.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.300.000.000</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>927.430.678</b>	<b>(735.415.969)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>427.994.872.269</b>	<b>455.951.917.086</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>428.922.302.947</b>	<b>455.216.501.117</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



DIỆP TRÍ MINH

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG

Kế toán trưởng

NGUYỄN THANH TUYỀN

Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2014

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 05a-CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/giảm				Số cuối kỳ	
		Số dư 01/01/2013	Số dư 01/01/2014	6 tháng đầu năm 2013		6 tháng đầu năm 2014		Số dư 30/6/2013	Số dư 30/6/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.16	240.000.000.000	240.000.000.000	-	-	-	-	240.000.000.000	240.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	V.16	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính		1.047.890.198	1.047.890.198	-	-	-	-	1.047.890.198	1.047.890.198
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)		(93.398.392.720)	(210.406.194.285)		377.669.713		158.205.055	(93.776.062.433)	(210.247.989.230)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>197.649.497.478</b>	<b>80.641.695.913</b>	-	<b>377.669.713</b>		<b>158.205.055</b>	<b>197.271.827.765</b>	<b>80.799.900.968</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014


**DIỆP TRÍ MINH**  
 Tổng Giám đốc



**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
 Kế toán trưởng



**NGUYỄN THANH TUYÊN**  
 Người lập biểu

*Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

MẪU B 09a-CTCK

Bản Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc kèm với Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông (gọi tắt là “Công ty”).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Môi giới chứng khoán; Tự doanh chứng khoán; Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán.
- Nhân viên**  
Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 27 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 30 người).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 thuộc Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, là năm tài chính thứ 8 của Công ty.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-BTC ban hành ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn kế toán đối với Công ty chứng khoán”, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp”, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về “Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của các công ty chứng khoán.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng khoán.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các Công ty Chứng khoán yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu khác và các khoản ký quỹ dài hạn.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong Báo cáo tài chính bao gồm các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngắn hạn, chi phí phải trả, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu và các khoản phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau khi ghi nhận ban đầu.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó đến thời điểm lập Báo cáo.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009. Dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí quản lý doanh nghiệp”.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

##### *Nguyên tắc đánh giá*

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

##### *Phương pháp khấu hao áp dụng*

TSCĐ khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/QĐ-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm TSCĐ hữu hình</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	3
Máy móc thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	8

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm giao dịch, phần mềm kế toán,.. vào sử dụng. Các phần mềm được khấu hao từ 3 đến 5 năm.

#### 8. Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

##### *Đầu tư ngắn hạn*

Đầu tư ngắn hạn bao gồm các chứng khoán thương mại có thời hạn nắm giữ dưới 12 tháng được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn là giá mua trên

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

thị trường mua bán chứng khoán và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn được lập khi giá trị ghi sổ lớn hơn giá trị thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

## ***Đầu tư chứng khoán dài hạn***

Đầu tư chứng khoán dài hạn bao gồm các khoản khoản đầu tư có thời hạn luân chuyển và thu hồi vốn trên 1 năm.

### ***Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán***

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là các chứng khoán phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán mà không phải là các khoản đầu tư chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc là chứng khoán thương mại.

Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn được lập khi có giá trị sụt giảm giá trị lâu dài tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm trên khoản mục “Chi phí hoạt động kinh doanh”.

## **9. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng từ 2 đến 3 năm.

## **10. Nguồn vốn, quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.
- Lũy kế là số lũy từ hoạt động kinh doanh động của Công ty lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## **11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

### Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

### Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân chứng khoán.

### Các nghiệp vụ mua và bán lại chứng khoán

Doanh thu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng mua và bán lại chứng khoán theo phương pháp đường thẳng.

### Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

### Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức ghi nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng mà không được ghi nhận là doanh thu.

## **12. Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra**

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền theo từng lần nhập, xuất để tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí**

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ.

## **14. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## 15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số dư 30/6/2014</u>	<u>Số dư 01/01/2014</u>
<i>Tiền mặt</i>	<i>4.190.726</i>	<i>3.268.191</i>
Tiền mặt	4.190.726	3.268.191
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>428.918.112.221</i>	<i>427.991.604.078</i>
Tiền gửi của Công ty (*)	409.581.048.536	414.696.155.724
Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	19.337.063.685	13.295.448.354
<b>Cộng</b>	<b><u>428.922.302.947</u></b>	<b><u>427.994.872.269</u></b>

(\*) Trong số tiền gửi ngân hàng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm 380.000.000.000 VND, đây là số tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.15). Công ty chưa dự thu lãi cho khoản tiền gửi này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2014.

### 2. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện 6 tháng đầu năm 2014

	<u>Khối lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Của Công ty chứng khoán</i>	<i>962.847</i>	<i>17.464.150.900</i>
Cổ phiếu	962.847	17.464.150.900
<i>Của nhà đầu tư</i>	<i>67.452.043</i>	<i>694.924.279.300</i>
Cổ phiếu	67.452.043	694.924.279.300
<b>Cộng</b>	<b><u>68.414.890</u></b>	<b><u>712.388.430.200</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		Giảm so với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Số dư	Số dư	Số dư	Số dư	Số dư	Số dư	Số dư	Số dư
	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014	30/6/2014	01/01/2014
Chứng khoán thương mại	377.291	121.368	7.614.267.402	1.449.913.512	(933.894.816)	(308.852.555)	6.680.372.586	1.141.060.957
Chứng khoán đầu tư	4.220.067	4.521.198	102.078.251.166	109.299.251.166	(58.025.875.966)	(62.523.248.355)	44.052.375.200	46.776.002.811
Chứng khoán sẵn sàng để bán	4.220.067	4.521.198	102.078.251.166	109.299.251.166	(58.025.875.966)	(62.523.248.355)	44.052.375.200	46.776.002.811
<b>Cộng (*)</b>	<b>4.597.358</b>	<b>4.642.566</b>	<b>109.692.518.568</b>	<b>110.749.164.678</b>	<b>(58.959.770.782)</b>	<b>(62.832.100.910)</b>	<b>50.732.747.786</b>	<b>47.917.063.768</b>

(\*) Chi tiết chứng khoán giảm giá xem Phụ lục số 01

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Stt	Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2014			Số phát sinh trong kỳ		Số dư 30/6/2014			Số dự phòng đã lập
		Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
1	Phải thu khách hàng	11.997.553.528	11.997.553.528	11.997.553.528	330.975.261	330.975.261	11.997.553.528	11.997.553.528	11.997.553.528	(11.997.553.528)
2	Trả trước cho người bán	3.140.000	-	-	500.966.478	436.490.709	67.615.769	-	-	-
3	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	13.549.190	-	-	1.374.878.067	1.377.740.775	10.686.482	-	-	-
	<i>Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán</i>	<i>13.549.190</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1.374.878.067</i>	<i>1.377.740.775</i>	<i>10.686.482</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
4	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-	156.558.236	156.558.236	-	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác (*)	137.336.428.008	72.516.087.451	72.516.087.451	144.857.346.991	145.719.538.393	136.474.236.606	133.457.482.610	72.226.192.626	(72.226.192.626)
	<b>Cộng</b>	<b>149.350.670.726</b>	<b>84.513.640.979</b>	<b>84.513.640.979</b>	<b>147.220.725.033</b>	<b>148.021.303.374</b>	<b>148.550.092.385</b>	<b>145.455.036.138</b>	<b>84.223.746.154</b>	<b>(84.223.746.154)</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(\*) Chi tiết các khoản phải thu khác

	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
Phải thu các tổ chức	78.545.791.377	78.207.622.374
Phải thu cá nhân	57.797.064.463	58.997.424.868
Phải thu khác	131.380.766	131.380.766
<b>Cộng</b>	<b>136.474.236.606</b>	<b>137.336.428.008</b>

## 5. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục	Số dư 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số dư 30/6/2014
Chi phí thuê nhà	6.000.000	452.909.091	452.909.091	6.000.000
Chi phí mua bảo hiểm tài sản	-	5.986.091	1.496.523	4.489.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	771.785.002	307.172.512	464.612.490
Chi phí khác	-	121.076.301	49.019.076	72.057.225
<b>Cộng</b>	<b>6.000.000</b>	<b>1.351.756.485</b>	<b>810.597.202</b>	<b>547.159.283</b>

## 6. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>I. Nguyên Giá</b>				
1. Số dư 01/01/2014	66.260.000	5.894.377.743	424.823.636	6.385.461.379
2. Tăng trong kỳ	-	108.300.000	-	108.300.000
<i>Mua sắm mới</i>	-	108.300.000	-	108.300.000
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>4. Số dư 30/6/2014</b>	<b>66.260.000</b>	<b>6.002.677.743</b>	<b>424.823.636</b>	<b>6.493.761.379</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
1. Số dư 01/01/2014	66.260.000	5.891.528.501	349.594.448	6.307.382.949
2. Tăng trong kỳ	-	11.874.241	26.551.476	38.425.717
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	-	11.874.241	26.551.476	38.425.717
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>4. Số dư 30/6/2014</b>	<b>66.260.000</b>	<b>5.903.402.742</b>	<b>376.145.924</b>	<b>6.345.808.666</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>				
1. Số dư 01/01/2014	-	2.849.242	75.229.188	78.078.430
<b>2. Số dư 30/6/2014</b>	<b>-</b>	<b>99.275.001</b>	<b>48.677.712</b>	<b>147.952.713</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:</b>				
1. Số dư 01/01/2014	66.260.000	5.860.186.834	-	5.926.446.834
<b>2. Số dư 30/6/2014</b>	<b>66.260.000</b>	<b>5.894.377.743</b>	<b>-</b>	<b>5.960.637.743</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	<u>Phần mềm giao dịch, kế toán</u>
<b>I. Nguyên Giá</b>	
1. Số dư 01/01/2014	7.488.985.064
2. Tăng trong kỳ	-
3. Giảm trong kỳ	-
<b>4. Số dư 30/6/2014</b>	<b>7.488.985.064</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
1. Số dư 01/01/2014	4.434.651.796
2. Tăng trong kỳ	635.777.550
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	<i>635.777.550</i>
3. Giảm trong kỳ	-
<b>4. Số dư 30/6/2014</b>	<b>5.070.429.346</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>	
1. Số dư 01/01/2014	3.054.333.268
<b>2. Số dư 30/6/2014</b>	<b>2.418.555.718</b>
<b>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:</b>	
1. Số dư 01/01/2014	1.014.689.550
<b>2. Số dư 30/6/2014</b>	<b>1.189.469.550</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

Khoản mục	Số dư 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Kết chuyển chi phí trong kỳ	Số dư 30/6/2014
Công cụ, dụng cụ	11.089.769	-	11.089.769	-
Chi phí khác	113.320.957	-	48.039.514	65.281.443
<b>Cộng</b>	<b>124.410.726</b>	<b>-</b>	<b>59.129.283</b>	<b>65.281.443</b>

**9. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán**

	<u>Số dư 30/6/2014</u>	<u>Số dư 01/01/2014</u>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	2.957.708.514	2.619.009.560
Tiền lãi phân bổ	296.129.580	296.129.580
<b>Cộng</b>	<b>3.373.838.094</b>	<b>3.035.139.140</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 10. Tài sản dài hạn khác

	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
Các khoản ký quỹ thuê văn phòng, thuê nhà	92.000.000	160.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.000.000</b>	<b>160.000.000</b>

## 11. Vay và nợ ngắn hạn

Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	1.300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.300.000.000</b>	<b>-</b>

Khoản vay ngắn hạn 12 tháng Ngân hàng TMCP Phương Đông theo Hợp đồng vay số 0357/03c/TG-KHDN/2014 ngày 24 tháng 6 năm 2014 với hạn mức là 4.900.000.000 VND, lãi suất 8,4%/năm. Hợp đồng vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tiền gửi số 0100600041517004 trị giá 5.000.000.000 VND.

## 12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Stt	Chỉ tiêu	Số dư 01/01/2014	Số phải nộp	Số đã nộp	Số dư 30/6/2014
1	Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước	12.481.819	30.673.316	15.481.820	27.673.315
2	Các loại thuế khác	202.341.788	399.196.557	443.230.408	158.307.937
	- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
	- Thuế thu nhập cá nhân	202.341.788	396.196.557	440.230.408	158.307.937
	<b>Cộng</b>	<b>214.823.607</b>	<b>429.869.873</b>	<b>458.712.228</b>	<b>185.981.252</b>

### • Thuế giá trị gia tăng

- Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.
- Thuế suất áp dụng:
  - + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
  - + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

### • Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp các khoản thuế theo qui định hiện hành.

## 13. Chi phí phải trả

Phí lưu kí, giao dịch phải trả Ủy ban	63.839.034	66.326.986
Chi phí khác	412.961.476	31.371.728
<b>Cộng</b>	<b>476.800.510</b>	<b>97.698.714</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số dư 30/6/2014</u>	<u>Số dư 01/01/2014</u>
<i>Bảo hiểm xã hội</i>	1.032.200	-
<i>Bảo hiểm y tế</i>	178.650	-
<i>Bảo hiểm thất nghiệp</i>	79.400	230.000
<i>Các khoản phải trả khác</i>	63.657.401.015	62.950.348.180
Phải trả lãi vay vốn	11.094.978.107	11.094.978.107
Phải trả vốn cho các công ty	50.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.562.422.908	1.855.370.073
<i>Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn của nhà đầu tư</i>	19.337.063.685	13 295 448 354
<i>Phong tỏa ký quỹ mua chứng khoán của nhà đầu tư</i>	2.557.358.000	6 486 143 000
<b>Cộng</b>	<b>85.553.112.950</b>	<b>82.732.169.534</b>

## 15. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	800.000	-
Phải trả khác (*)	380.000.000.000	380.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>380.000.800.000</b>	<b>380.000.000.000</b>

(\*) Khoản phải trả cho Ngân hàng TMCP Tiên Phong tiền thực hiện hợp đồng môi giới mua chứng khoán, khoản tiền này được gửi vào Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đang bị tạm ngừng giao dịch (xem Thuyết minh số V.1). Công ty chưa dự chi lãi cho khoản phải trả này vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 6 tháng đầu năm 2014.

## 16. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.243.928.639	3.467.048.321
Phải trả cổ tức cho cổ đông	19.412.500	19.412.500
<b>Cộng</b>	<b>2.263.341.139</b>	<b>3.486.460.821</b>

## 17. Vốn chủ sở hữu

### *Chi tiết vốn góp*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	240.000.000.000	240.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>290.000.000.000</b>	<b>290.000.000.000</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Cổ phiếu

	Tại 30/6/2014	Tại 01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.000.000	24.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.000.000	24.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.087.909.574	993.413.383
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	2.913.591.865	1.732.002.820
Doanh thu lưu ký chứng khoán	222.208.667	208.069.984
Doanh thu hoạt động tư vấn chứng khoán	281.560.419	271.818.181
Doanh thu khác	2.401.770.828	2.215.857.177
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>6.907.041.353</b>	<b>5.421.161.545</b>
Khoản giảm trừ doanh thu	(216.000)	(55.584)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>6.906.825.353</b>	<b>5.421.105.961</b>

### 2. Chi phí hoạt động kinh doanh

Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	1.033.174.761	1.603.053.187
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.836.997.061	57.457.655
Chi phí hoạt động tư vấn chứng khoán	62.240.853	-
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	224.987.561	227.592.562
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán	(3.872.330.128)	(1.967.976.466)
Chi phí khác	30.120.833	92.773.279
<b>Cộng</b>	<b>2.315.190.941</b>	<b>12.900.217</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 3. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>6 tháng đầu năm 2014</u>	<u>6 tháng đầu năm 2013</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.591.469.527	1.995.678.740
Chi phí vật liệu quản lý	8.984.009	17.149.045
Chi phí đồ dùng văn phòng	161.880.635	94.686.891
Chi phí khấu hao	674.203.267	820.739.837
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	5.000.000
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng	(289.894.825)	673.547.266
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.831.001.233	1.882.745.792
Chi phí bằng tiền khác	471.091.420	307.806.617
<b>Cộng</b>	<b><u>4.451.735.266</u></b>	<b><u>5.797.354.188</u></b>

## 4. Lợi nhuận khác

Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	52.999.999
Thu nhập khác	18.305.909	2.805.123
<b>Thu nhập khác</b>	<b><u>18.305.909</u></b>	<b><u>55.805.122</u></b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	7.741.675
Chi phí khác	-	36.584.716
<b>Chi phí khác</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>44.326.391</u></b>
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác</b>	<b><u>18.305.909</u></b>	<b><u>11.478.731</u></b>

## 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp

<b>Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>158.205.055</b>	<b>(377.669.713)</b>
<b>Điều chỉnh:</b>	<b>73.181.090</b>	<b>-</b>
Cộng: Chi phí không tính thuế	73.181.090	-
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
<b>Trừ: Lỗ được chuyển</b>	<b><u>(231.386.145)</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Tổng thu nhập (lỗ) chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>(377.669.713)</b>
Thuế suất áp dụng	20%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế do Công ty có tổng doanh thu trong năm không quá hai mươi tỷ đồng (20 tỷ VND) theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 tháng đầu năm 2014 do Công ty không có thu nhập chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 6. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế	158.205.055	(377.669.713)
Các điều chỉnh để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	158.205.055	(377.669.713)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	24.000.000	24.000.000
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	<u>6,59</u>	<u>(15,74)</u>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
Các khoản tiền nhận ký quỹ của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	<u>19.337.063.685</u>	<u>13.295.448.354</u>

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thu nhập của các thành viên chủ chốt

Thu nhập của các thành viên chủ chốt của Công ty trong kỳ như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
Lương, phụ cấp	<u>572.028.700</u>	<u>584.095.840</u>

### 2. Công cụ tài chính

#### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm khoản vay ngắn hạn như đã trình bày tại Thuyết minh số V.11 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lỗ lũy kế).

#### Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.3.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số dư 30/6/2014	Số dư 01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.922.302.947	427.994.872.269
Đầu tư ngắn hạn	6.680.372.586	1.141.060.957
Phải thu khách hàng	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.686.482	13.549.190
Các khoản phải thu khác	64.248.043.980	64.820.340.557
Đầu tư dài hạn	44.052.375.200	46.776.002.811
Ký quỹ dài hạn	92.000.000	160.000.000
<b>Cộng</b>	<b>544.005.781.195</b>	<b>540.905.825.784</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	1.300.000.000	-
Chi phí phải trả	476.800.510	97.698.714
Các khoản phải trả khác	85.551.822.700	82.731.939.534
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.800.000	380.000.000.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.263.341.139	3.486.460.821
<b>Cộng</b>	<b>469.592.764.349</b>	<b>466.316.099.069</b>

## Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,..), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

### *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán,..).

Do ảnh hưởng của thị trường, hoạt động kinh doanh của Công ty đã giảm đáng kể trong những năm gần đây, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro ngoại tệ và rủi ro lãi suất.

### Quản lý rủi ro về giá

**Rủi ro về giá của các công cụ tài chính** (giá của cổ phiếu, giá của các chứng khoán sẵn sàng để bán) là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

**Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## *Rủi ro về giá cổ phiếu, giá chứng khoán*

Các cổ phiếu, chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu, chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu, giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu, chứng khoán như ngành nghề kinh doanh, công ty đầu tư,.. Công ty đánh giá giá rủi ro về giá cổ phiếu, chứng khoán là không đáng kể.

## *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (bao gồm các khoản phải thu khác, tiền gửi ngân hàng).

### Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên bảng điểm xếp hạng tín dụng chi tiết và hạn mức tín dụng cá nhân được xác định phù hợp với đánh giá này.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản nợ phải thu khách hàng chưa thu được. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và thành lập một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Theo quan điểm đã nói ở trên và thực tế rằng các khoản phải thu khách hàng của Công ty dành cho một số lượng lớn khách hàng đa dạng, do đó không có rủi ro tập trung về tín dụng.

### Các khoản phải thu khác

Công ty cho các tổ chức, cá nhân vay/ mượn tiền mua chứng khoán.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty có các khoản phải thu liên quan đến các khoản cho vay vay/ mượn này bao gồm các khoản lãi có liên quan. Công ty thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng những khoản phải thu khó đòi tại cuối kỳ kế toán.

### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số V.1, Công ty có rủi ro tín dụng liên quan đến khoản tiền gửi 380.000.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đã bị tạm ngưng giao dịch, số tiền này Công ty nhận từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong để thực hiện các Hợp đồng môi giới mua chứng khoán (xem Thuyết minh số V.15). Hiện tại, số tiền này đã được Tòa án sơ thẩm thành phố Hồ Chí Minh xác định trách nhiệm bồi hoàn của bà Huỳnh Thị Huyền Như theo Bản án số 46 ngày 27 tháng 01 năm 2014. Tuy nhiên, Công ty đã nộp hồ sơ kháng cáo lên tòa phúc thẩm Tòa án Nhân dân tối cao để xét lại trách nhiệm bồi hoàn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam đối với số tiền nêu trên.

## *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

*Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số dư 30/6/2014</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	1.300.000.000	-	-	1.300.000.000
Chi phí phải trả	476.800.510	-	-	476.800.510
Các khoản phải trả khác	85.551.822.700	-	-	85.551.822.700
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.800.000	-	-	380.000.800.000
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	2.263.341.139	-	-	2.263.341.139
<b>Cộng</b>	<b>469.592.764.349</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>469.592.764.349</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.922.302.947	-	-	428.922.302.947
Đầu tư ngắn hạn	6.680.372.586	-	-	6.680.372.586
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.686.482	-	-	10.686.482
Các khoản phải thu khác	64.248.043.980	-	-	64.248.043.980
Đầu tư dài hạn	-	44.052.375.200	-	44.052.375.200
Ký quỹ dài hạn	-	92.000.000	-	92.000.000
<b>Cộng</b>	<b>499.861.405.995</b>	<b>44.144.375.200</b>	<b>-</b>	<b>544.005.781.195</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần tại 30/6/2014</b>	<b>30.268.641.646</b>	<b>44.144.375.200</b>	<b>-</b>	<b>74.413.016.846</b>

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

### Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số dư 01/01/2014</b>				
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	-
Chi phí phải trả	97.698.714	-	-	97.698.714
Các khoản phải trả khác	82.731.939.534	-	-	82.731.939.534
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	380.000.000.000	-	-	380.000.000.000
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	3.486.460.821	-	-	3.486.460.821
<b>Cộng</b>	<b>466.316.099.069</b>	-	-	<b>466.316.099.069</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	428.922.302.947	-	-	428.922.302.947
Đầu tư ngắn hạn	6.680.372.586	-	-	6.680.372.586
Phải thu khách hàng	-	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	10.686.482	-	-	10.686.482
Các khoản phải thu khác	64.248.043.980	-	-	64.248.043.980
Đầu tư dài hạn	-	44.052.375.200	-	44.052.375.200
Ký quỹ dài hạn	-	92.000.000	-	92.000.000
<b>Cộng</b>	<b>499.861.405.995</b>	<b>44.144.375.200</b>	-	<b>544.005.781.195</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần tại 01/01/2014</b>	<b>30.268.641.646</b>	<b>44.144.375.200</b>	-	<b>74.413.016.846</b>

Ban Tổng Giám đốc tin rằng hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi khoản tiền gửi ngân hàng được trình bày ở mục “rủi ro tín dụng”. Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.


### 3. Thông tin so sánh

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 8 năm 2014



**DIỆP TRÍ MINH**  
Tổng Giám đốc

  
**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THANH TUYÊN**  
Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN PHƯƠNG ĐÔNG**

194 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

6 tháng đầu năm 2014

Phụ lục 01

**CHI TIẾT CHỨNG KHOÁN GIẢM GIÁ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã vtr	Tên vật tư	Số dư 01/01/2014		Số dư 30/6/2014		Giá cổ phiếu tại 30/6/2014			Giá trị giảm giá tại 30/6/2014
		Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Giá sổ sách	Giá thị trường	Chênh lệch	
<b>CKTD</b>	<b>Chứng khoán tự doanh</b>	<b>61.372</b>	<b>760.992.541</b>	<b>317.295</b>	<b>6.925.346.431</b>				<b>(635.788.741)</b>
ACB	CTCP Ngân hàng á Châu	57	2 054 213	70 000	1 206 500 000	17.236	15.400	(1.836)	(128.500.000)
BBC	CTCP Bánh kẹo Biên Hoà	6	80 900	6	80 900	13.483	61.000	47.517	-
BID	NH TMCP DT&PT VIET NAM			80 580	1 330 544 000	16.512	15.200	(1.312)	(105.728.000)
BTT	CTCP THUONG MAI DICH VU BEN THANH	8	195 242	8	195 242	24.405	34.500	10.095	-
BVS	CTCP chứng khoán Bảo Việt	40	590 857				12.900	12.900	-
C32	C32 - Cổ phiếu CTCP Đầu tư Xây dựng 3-2	2	21 361	2	21 361	10.681	29.700	19.020	-
CSM	CTCP CN CAO SU MIEN NAM	1	34 142	1	34 142	34.142	41.800	7.658	-
CTG	NH TMCP CONG THUONG VN	7	153 000	7	153 000	21.857	14.500	(7.357)	(51.500)
DCS	CTCP DAI CHAU	4	31 741				5.800	5.800	-
DIC	CTCP Đầu tư và thương mại DIC	3	95 550	3	95 550	31.850	8.200	(23.650)	(70.950)
DPM	CTCP PHAN DAM VA HOA CHAT DAU KHI			65 310	2 439 057 000	37.346	32.300	(5.046)	(329.544.000)
EIB	Ngan hang TMCP Xuất Nhập khẩu EXIMBANK	45	723 713	45	723 713	16.083	13.200	(2.883)	(129.713)
FPT	CTCP Đầu tư và phát triển FPT	6	217 300	6	217 300	36.217	46.600	10.383	-
GIL	CTCP SX-KD-XNK Bình Thạnh			10	218 000	21.800	24.000	2.200	-
HAG	CTCP Hoàng Anh Gia Lai	3	98 100	3	98 100	32.700	24.200	(8.500)	(25.500)
HAI	CTCP Nông Dược H.A.I	102		2		-	24.000	24.000	-
HPC	CTCP Chứng Khoán Hải Phòng	21	95 526				4.900	4.900	-
ICG	Cty CP Xây dựng Sông Hồng						8.400	8.400	-
ITA	CTCP Khu Công nghiệp Tân Tạo	10	108 482				8.000	8.000	-
KDC	CTCP Kinh Đô	9	279 516	9	279 516	31.057	60.000	28.943	-
KHA	CTCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội	9	236 520	9	236 520	26.280	20.000	(6.280)	(56.520)
KMR	CP CTCP Mirea	2	12 600	2	12 600	6.300	6.700	400	-
MAC	Cổ phiếu CTCP Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng Hải	25	107 500	25	107 500	4.300	6.100	1.800	-
NAV	CTCP Nam Việt	3	193 346	3	193 346	64.449	6.300	(58.149)	(174.446)
NTL	CTCP PHAT TRIEN DO THI TU LIEM								
OGC	OGC								
NHC	CTCP Gạch ngói Nhị Hiệp	5		5		-	27.500	27.500	-
PAC	CTCP Pin ắc quy Miền Nam			55 300	1 264 373 000	22.864	21.700	(1.164)	(64.363.000)
PET	Dịch Vụ - Du Lịch Dầu Khí	7	78 400	7	78 400	11.200	17.700	6.500	-
PGC	CTCP Ga Petrolimex	1	24 600	1	24 600	24.600	12.500	(12.100)	(12.100)
PPI	CTCP PT HT & BDS TBD	3	69 300	3	69 300	23.100	10.600	(12.500)	(37.500)
PVC	DUNG DICH KHOAN VA HOA PHAM DAU KHI	102	1 615 880	45 000	670 500 000	14.900	17.800	2.900	-
PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng miền Bắc	70	802 008				11.100	11.100	-
PVI	CTCP Bảo Hiểm Dầu Khí	40	534 753				19.900	19.900	-
PVS	DV & KT Dầu Khí	11	140 335				29.200	29.200	-
PVT	CTCP VAN TAI DAU KHI	28	161 100	8	46 029	5.754	12.100	6.346	-

T.C.P



PVX	Cổ phiếu TCTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	45	395 642				4.200	4.200	-
QNC	CTCP XI MANG VA XAY DUNG QUANG NINH	124	1 713 500	124	1 713 500	13.819	6.300	(7.519)	(932.300)
SAM	CTCP Cấp và vật liệu viễn thông	16	264 262	6	99 098	16.516	9.900	(6.616)	(39.698)
SBT	CTCP MIA DUONG BOURBON TAY NINH	59 580	737 960 000				12.200	12.200	-
SD7	CTCP Sông Đà 7	189	2 973 600	89	1 400 267	15.733	9.500	(6.233)	(554.767)
SHB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội	67	655 105				9.700	9.700	-
SIC	CTCP Đầu Tư Phát Triển Sông Đà	27	305 100	27	305 100	11.300	6.000	(5.300)	(143.100)
STB	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	9	87 068	9	87 068	9.674	20.600	10.926	-
STC	CTCP Sách và Thiết Bị Trường Học Tp.HCM	30	420 000	30	420 000	14.000	15.200	1.200	-
SVC	CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	14	226 000	14	226 000	16.143	15.300	(843)	(11.800)
TCM	CTCP DET MAY THANH CONG	1	13 469	1	13 469	13.469	27.500	14.031	-
TDH	CTCP Phát triển nhà Thủ Đức	4	96 647	4	96 647	24.162	15.700	(8.462)	(33.847)
VCB	NH TMCP NGOAI THUONG VN	5	108 163	5	108 163	21.633	26.200	4.567	-
VID	CTCP Giấy Viễn Đông	1		1		0	4.600	4.600	-
VSP	CTCP Đầu Tư và Vận Tải Dầu Khí VINASHIN	630	7 018 000	630	7 018 000	11.140	2.600	(8.540)	(5.380.000)
<b>OTC_1</b>	<b>Kho chứng khoán OTC ngắn hạn</b>	<b>59.996</b>	<b>688.920.971</b>	<b>59.996</b>	<b>688.920.971</b>				<b>(298.106.075)</b>
OTC-BHN	Cty Cp Bảo Hiểm Nhà Rồng (BH Bảo Long)- BHNH								
OTC-CMI	Cty CP VLXD&TTNT Tp.HCM-CMID	10 000	259 165 167	10 000	259 165 167	25.917	8.000	(17.917)	(179.165.167)
OTC-DMT	Cty CP Dệt may TP.HCM	5 000	35 838 900	5 000	35 838 900	7.168	8.000	832	-
OTC-NHU	Cty CP Nhựa Sài Gòn - SGP	39 996	358 078 004	39 996	358 078 004	8.953	6.000	(2.953)	(118.102.008)
OTC-NHU	Cty Cp Nhựa Việt Nam VinaPlast	5 000	35 838 900	5 000	35 838 900	7.168	7.000	(168)	(838.900)
	<b>Cộng dự phòng ngắn hạn</b>	<b>121.368</b>	<b>1.449.913.512</b>	<b>377.291</b>	<b>7.614.267.402</b>				<b>(933.894.816)</b>
OTC-CAD	Cty Dây Cáp Điện Việt Nam - CADIVI	260 000	7 688 980 000	260 000	7 688 980 000	29.573	26.000	(3.573)	(928.980.000)
OTC-DAB	NH TMCP Đông á - DAB	837 844	16 804 440 000	837 844	16 804 440 000	20.057	7.600	(12.457)	(10.436.825.600)
OTC-DEC	Cty CP Thiết kế XD Số 1-DECOFI	12 567	1 735 502 700	12 567	1 735 502 700	138.100	10.000	(128.100)	(1.609.832.700)
OTC-KCN	Cty CP PT KCN Tin Nghĩa (KCN Tam Phước)	18 619	2 524 736 400	18 619	2 524 736 400	135.600	12.000	(123.600)	(2.301.308.400)
OTC-OCB	NH TMCP Phương Đông - OCB	2 218 147	44 029 785 200	2 218 147	44 029 785 200	19.850	7.400	(12.450)	(27.615.497.400)
OTC-PNB	NH TMCP Phương Nam - PNB	301 131	7 221 000 000						-
OTC-VAS	Cty CP Bảo Hiểm Viễn Đông - VASS	13 900	3 470 000 000	13 900	3 470 000 000	249.640	2.000	(247.640)	(3.442.200.000)
BTT	CTCP THUONG MAI DỊCH VỤ BEN THANH	289 090	11 672 727 273	289 090	11 672 727 273	40.377	34.500	(5.877)	(1.699.122.273)
KHB	Cổ phiếu CTCP Khoáng sản Hoà Bình	300 000	6 000 000 000	300 000	6 000 000 000	20.000	4.600	(15.400)	(4.620.000.000)
VCA	Công ty CP Thép Biên Hòa	269 900	8 152 079 593	269 900	8 152 079 593	30.204	10.300	(19.904)	(5.372.109.593)
	<b>Cộng dự phòng dài hạn</b>	<b>4.521.198</b>	<b>109.299.251.166</b>	<b>4.220.067</b>	<b>102.078.251.166</b>				<b>(58.025.875.966)</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>4.642.566</b>	<b>110.749.164.678</b>	<b>4.597.358</b>	<b>109.692.518.568</b>				<b>(58.959.770.782)</b>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Phương Đông, ngày 11 tháng 8 năm 2014



  
**NGUYỄN THỊ LỆ TÙNG**  
 Kế toán trưởng

  
**NGUYỄN THANH TUYÊN**  
 Người lập biểu

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính